

Số: 3090 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đường tỉnh 464 đoạn qua địa phận xã Tây Sơn và đoạn qua địa phận xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3180/STNMT-CCBVMT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường tỉnh 464 đoạn qua địa phận xã Tây Sơn và đoạn qua địa phận xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 689/TTr-STNMT ngày 22 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đường tỉnh 464 đoạn qua địa phận xã Tây Sơn và đoạn qua địa phận xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương” do Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương làm Chủ dự án, thực hiện tại các xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình; Tây Sơn, Bình Nguyên, Lê Lợi, Hồng Thái, huyện Kiến Xương với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kiến



Xương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: Tây Sơn, Bình Nguyên, Lê Lợi, Hồng Thái, huyện Kiến Xương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn




1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960



124



**PHỤ LỤC**
CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đường tỉnh 464 đoạn qua địa phận xã Tây Sơn và đoạn qua địa phận xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương.

- Chủ dự án: Ủy ban nhân huyện Kiến Xương.

Địa chỉ: Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kiến Xương.

Địa chỉ: Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Địa điểm thực hiện Dự án tại các xã: Vũ Đông, thành phố Thái Bình; Tây Sơn, Bình Nguyên, Lê Lợi, Hồng Thái, huyện Kiến Xương.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất Dự án:

- Phạm vi đầu tư gồm bao gồm hai tuyến đường:

+ Tuyến chính: Điểm đầu (Km0+000) giao với đường vành đai phía Nam, thành phố Thái Bình tại Km 2+150 thuộc địa phận xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, điểm cuối giao với đường tỉnh 457 tại Km11+530 thuộc địa phận xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương; chiều dài tuyến L = 8.777,26 m và được chia làm 03 đoạn tuyến như sau:

Đoạn 1: Từ Km 0+000 đến Km 1+543,8, chiều dài L = 1.543,8 m.

Đoạn 2: Từ Km 1+543,8 đến Km 7+149,8, chiều dài L = 5.606 m.

Đoạn 3: Từ Km 7+149,8 đến Km 8+777,26, chiều dài L=1.627,46 m.

+ Tuyến nhánh: Điểm đầu giao với tuyến chính tại Km7+713,83 (trái tuyến), điểm cuối (Km 1+423,94) giao với đường ĐH.29, thuộc địa phận xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, chiều dài tuyến nhánh L = 1.423,94 m.

- Quy mô đầu tư như sau:

+ Đoạn 1 thiết kế theo quy mô đường cấp IV đồng bằng (TCVN 4054:2005); mặt đường cấp cao A1 ($E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$);

+ Đoạn 2: Thảm lớp bê tông nhựa (BTN) C19 dày 5cm kết hợp bù vênh BTN C19 trên mặt đường hiện trạng.

+ Đoạn 3 và tuyến nhánh thiết kế theo quy mô đường cấp V đồng bằng (TCVN 4054:2005); mặt đường cấp cao A1 ($E_{yc} \geq 120\text{Mpa}$);

+ Tải trọng thiết kế các công trình trên tuyến HL93.

+ Xây dựng đồng bộ các công trình trên các tuyến gồm: Cống thoát nước ngang, dọc đường; rãnh thoát nước dọc đường đoạn qua khu dân cư; hệ thống mương xây, mương đất hoàn trả; kè gia cố mái taluy nền đường các đoạn tuyến lán ao, kênh, mương; hệ thống an toàn giao thông trên tuyến.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Phạm vi
I	Hạng mục công trình chính			
01	Tuyến chính	km	8,77726	Xã Vũ Đông, Tây Sơn, Bình Nguyên, Lê Lợi
02	Tuyến nhánh	km	1,42394	Xã Hồng Thái.
II	Hạng mục công trình phụ trợ			
01	Công trường thi công (đúc cầu kiện bê tông...)	m ²	1.500	Xã Bình Nguyên.
02	Công trường thi công (đúc cầu kiện bê tông...)	m ²	1.500	Xã Lê Lợi
03	Công trường thi công (đúc cầu kiện bê tông...)	m ²	1.500	Xã Vũ Đông
04	Khu vực tập kết chất thải đầu tuyến	m ²	3.000	Xã Tây Sơn
05	Khu vực tập kết chất thải cuối tuyến nhánh	m ²	6.000	Xã Hồng Thái

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình phá dỡ, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Giai đoạn vận hành: Khí thải từ phương tiện giao thông, tiếng ồn, độ rung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải.

- Nước thải:

+ Giai đoạn chuẩn bị: Nước thải sinh hoạt khoảng 1,05 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng khoảng 6 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, COD; nước thải sinh hoạt khoảng 6,3 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, NO₃⁻, PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

Ph

+ Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình phá dỡ, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung của các phương tiện tham gia giao thông trên đường.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn chuẩn bị: 7,5 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn thi công xây dựng: 45 kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn chuẩn bị: 30 tấn.

+ Giai đoạn thi công xây dựng: 32.400 tấn.

- Chất thải rắn nguy hại:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: 399 kg. Thành phần chủ yếu: Pin, ắc quy thải; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu thải; giẻ lau dính dầu; bao bì cứng thải bằng kim loại; que hàn thải; xỉ hàn; cặn sơn, sơn thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng: Từ hoạt động phá dỡ, hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.

- Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động các phương tiện giao thông trên đường.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng: Thuê công nhân tại địa phương để hạn chế phát sinh nước thải sinh hoạt.

+ Nước thải xây dựng tại 03 công trường được thu gom, xử lý tại các bể lắng, kích thước mỗi bể (dài x rộng x sâu) = $4 \times 2 \times 1,5$ (m), kết cấu bê tông cốt thép. Số lượng bể lắng 02 bể/công trường. Nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng 03 nhà vệ sinh di động đặt tại 03 công trường thi công. Mỗi nhà vệ sinh có kích thước (dài x rộng x cao) = $3,868 \times 2,200 \times 2,668$ (m), dung tích bể nước sạch $0,8 \text{ m}^3$; dung tích bể chứa chất thải: $2,2 \text{ m}^3$. Nước thải định kỳ được đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định.

+ Nước mưa chảy tràn khu vực tập kết nguyên vật liệu của dự án được thu gom qua đường rãnh thu nước mưa vào 03 bể lắng, có có dung tích mỗi bể 1 m^3 làm bằng vật liệu composit, phía trên có ống thoát nước, đáy bể có cửa xả cặn. Định kỳ sau mỗi ngày làm việc công nhân xây dựng sẽ tiến hành làm vệ sinh bể và xả bùn cặn lấy đất cát từ đáy bể ra.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

fn

- Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng: Phun tưới ẩm tại các khu vực thi công và các điểm tập kết nguyên vật liệu, lên kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, thi công hợp lý, che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển, bố trí lịch trình vận chuyển phù hợp, dọn vệ sinh, rửa xe trước khi ra khỏi khu tập kết nguyên vật liệu, thường xuyên vệ sinh, che phủ các vị trí tập kết nguyên liệu, sử dụng xe vận tải được kiểm định.

- Giai đoạn vận hành:

Trồng cây xanh tại các vị trí được quy hoạch theo quy định; lắp đặt biển hiệu giao thông, gờ giảm tốc theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn:

Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng:

+ Chất thải sinh hoạt được thu gom vào 06 thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt, thể tích 50 lít/thùng (02 thùng/01 công trường); hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, xử lý theo quy định.

+ Chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại bán tái chế đối với chất thải có thể tái chế; chất thải không thể tái chế như cát, đá, bê tông thừa lẫn đất... vận chuyển đổ thải tại bãi rác Cống Ngữ, thôn Đại Hải, xã Tây Sơn và bãi rác Đồng Ngoài, xã Hồng Thái.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng: Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp; hạn chế dùng còi trong khu vực; thay thế các thiết bị không đạt kiểm định chất lượng; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, chống rung lan truyền bằng dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn hay gối đàn hồi cao su; hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

+ Vị trí giám sát: 04 điểm: Tại điểm đầu nút giao với đường vành đai thành phố Thái Bình; tại nút giao với đường ĐH.20; tại nút giao với đường ĐH.460 xã Bình Nguyên; tại nút giao với đường ĐT.457.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO_x, tiếng ồn, độ rung.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường: Giám sát về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

6.1. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án.

6.2. Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

6.3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án

6.4. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng và không gây ảnh hưởng xấu tới hoạt động lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc thi công hệ thống thoát nước, bảo đảm không gây gián đoạn nguồn nước cấp phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực Dự án.

6.5. Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.6. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

6.7. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án

6.8. Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống phao tiêu, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới báo hiệu đang quản lý và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

6.9. Trong quá trình thi công nếu để xảy ra sạt lở gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ

quan có liên quan và cơ quan địa phương khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.10. Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.11. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết; cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra. /.

H
T
H
A
I
P